

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TTC TÂY SƠN - BÌNH ĐỊNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TTC TÂY SƠN - BÌNH ĐỊNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 4101495490

**3. Ngày thành lập:** 08/09/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm 2, Thôn Kiên Ngãi, Xã Bình Thành, Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam

Điện thoại: 0917 748 067

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Chi tiết: Thí nghiệm, kiểm định máy móc, thiết bị điện                                                                                                                   | 7120     |
| 2.  | Trồng cây cà phê                                                                                                                                                                                           | 0126     |
| 3.  | Trồng cây chè                                                                                                                                                                                              | 0127     |
| 4.  | Trồng cây hàng năm khác                                                                                                                                                                                    | 0119     |
| 5.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ máy móc, thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời                                                                                 | 4773     |
| 6.  | Trồng cây thuốc lá, thuốc lào                                                                                                                                                                              | 0115     |
| 7.  | Trồng cây ăn quả                                                                                                                                                                                           | 0121     |
| 8.  | Trồng cây lấy quả chứa dầu                                                                                                                                                                                 | 0122     |
| 9.  | Chăn nuôi lợn                                                                                                                                                                                              | 0145     |
| 10. | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                                                                                                                                | 0210     |
| 11. | Chăn nuôi ngựa, lừa, la                                                                                                                                                                                    | 0142     |
| 12. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                             | 2710     |
| 13. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                 | 3312     |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                      | 4321     |
| 15. | Xây dựng công trình công ích<br>Chi tiết: Xây dựng nhà máy năng lượng, các trạm biến áp điện.<br>Xây dựng công trình đường dây tải điện cao thế, trung thế, hạ thế ngầm dưới đất, dưới biển và trên không. | 4220     |
| 16. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế lắp đặt các hệ thống điện công nghiệp, dân dụng. Tư vấn xây dựng, thiết kế công trình công trình dân dụng, công nghiệp.          | 7110     |

Thời gian đăng từ ngày 08/09/2017 đến ngày 08/10/2017

|     |                                                                                                                                                                                                 |                                                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 17. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: sản xuất vật tư, thiết bị, máy móc phục vụ ngành điện, môi trường. Sản xuất nhiên liệu tái tạo (tái sinh) từ phụ phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp | 3290                                                         |
| 18. | Trồng cây hồ tiêu                                                                                                                                                                               | 0124                                                         |
| 19. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                          | 3314                                                         |
| 20. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật, thuế)                                                                                                                    | 7020                                                         |
| 21. | Chăn nuôi gia cầm                                                                                                                                                                               | 0146                                                         |
| 22. | Chăn nuôi dê, cừu                                                                                                                                                                               | 0144                                                         |
| 23. | Chăn nuôi khác                                                                                                                                                                                  | 0149                                                         |
| 24. | Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp                                                                                                                                                                   | 0150                                                         |
| 25. | Trồng cây có hạt chứa dầu                                                                                                                                                                       | 0117                                                         |
| 26. | Trồng cây điều                                                                                                                                                                                  | 0123                                                         |
| 27. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                                                                                                                 | 0128                                                         |
| 28. | Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác                                                                                                                                                         | 0112                                                         |
| 29. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời                                                                                               | 3320                                                         |
| 30. | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện<br>Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh điện, đầu tư nhà máy điện mặt trời                                                                                   | 3510(Chính)                                                  |
| 31. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình điện dân dụng và công nghiệp                                                                                        | 4290                                                         |
| 32. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(trừ dược phẩm)                                                                                                                                           | 4649                                                         |
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị cơ điện, thiết bị công nghiệp, động cơ điện, máy biến thế và các vật liệu điện khác      | 4659                                                         |
| 34. | Chăn nuôi trâu, bò                                                                                                                                                                              | 0141                                                         |
| 35. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn về môi trường; Tư vấn về năng lượng                                                                 | 7490                                                         |
| 36. | Trồng cây lấy củ có chất bột                                                                                                                                                                    | 0113                                                         |
| 37. | Trồng lúa                                                                                                                                                                                       | 0111                                                         |
| 38. | Trồng cây mía                                                                                                                                                                                   | 0114                                                         |
| 39. | Trồng cây lấy sợi                                                                                                                                                                               | 0116                                                         |
| 40. | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                                                                                                  | 0118                                                         |
| 41. | Trồng cây cao su                                                                                                                                                                                | 0125                                                         |
| 42. | (* Lưu ý: Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ và duy trì điều kiện đầu tư kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện).                            | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 207.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                             | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÀNH THÀNH CÔNG | 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 10.133.000 | 101.330.000.000       | 48,952    | 0301466073                                                                                  |         |
|     |                                         |                                                                                      | Tổng số           | 10.133.000 | 101.330.000.000       | 48,952    |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN GIA LAI            | 114 Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 10.557.000 | 105.570.000.000       | 51,000    | 5900181213                                                                                  |         |
|     |                                         |                                                                                      | Tổng số           | 10.557.000 | 105.570.000.000       | 51,000    |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | THÁI VĂN CHUYỀN                         | 291/56 Trường Chinh, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 0,048     | 025726326                                                                                   |         |
|     |                                         |                                                                                      | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 0,048     |                                                                                             |         |
|     |                                         |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 03/03/1975

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 024919225

Ngày cấp: 21/03/2008

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 147A Trần Văn Quang, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 147A Trần Văn Quang, Phường 10, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Định